

Bản án số: 16/2021/DS- ST

Ngày: 08/12/2021

*“ V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY-TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Toàn

Ông Lê Thuận Sơn

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương, Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2021/TLST-DS ngày 24/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-DS ngày 23/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N, địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội, đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng Giám đốc; Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện theo Quyết định ủy quyền thực hiện quyền nghĩa vụ khởi kiện, tham gia tố tụng và thi hành án số: 2965/QĐ-NH-PC ngày 27/12/2019: Ngân hàng N- Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình, địa chỉ: Số 21, đường N, tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn K, chức vụ: Giám đốc, đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hải N, chức vụ: Phó Giám đốc, theo Giấy ủy quyền số 134/UQ-NH-LT ngày 22/4/2021 của Giám đốc chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình, ông N, có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1975, cùng nơi cư trú: Đội 5, thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2021 và bản tự khai ngày 18/6/2021, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Hải N đều trình bày: Ngày 16/7/2018, ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị Mộng T ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N chi nhánh huyện L số 3802 LAV201803092, với nội dung: Ngân hàng N cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị Mộng T vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); mục đích vay: Mua dụng cụ

phục vụ các công trình xây dựng; thời hạn vay: 48 tháng, kể từ ngày giải ngân 16/7/2018; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10%/năm, trường hợp lãi suất thay đổi, Ngân hàng được quyền điều chỉnh tăng giảm tương ứng. Sau khi điều chỉnh lãi suất tiền vay được ghi vào phụ lục hợp đồng tín dụng đang lưu tại Ngân hàng đồng thời thông báo cho bên vay biết để thực hiện; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Kỳ hạn trả nợ gốc được chia thành 04 kỳ:

Kỳ 1, ngày 16/7/2019 trả nợ gốc 100.000.000 đồng + lãi phát sinh;

Kỳ 2, ngày 16/7/2020 trả nợ gốc 100.000.000 đồng + lãi phát sinh;

Kỳ 3, ngày 16/7/2021 trả nợ gốc 100.000.000 đồng + lãi phát sinh;

Kỳ 4, ngày 16/7/2022 trả nợ gốc 200.000.000 đồng + lãi phát sinh;

Kỳ hạn trả nợ lãi: 12 tháng/kỳ.

Tài sản bảo đảm khoản vay: Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2017/NT/0707/HĐTC ngày 07/7/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 2018/NT/NVN/HĐTC ngày 16/7/2018 ký giữa Ngân hàng N Chi nhánh huyện L với vợ chồng ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị Mộng T: Quyền sử dụng đất, thửa số 430, tờ bản đồ số 37, diện tích 314 m² tại địa chỉ thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 148401 do UBND huyện L cấp ngày 04/7/2017 mang tên Nguyễn Văn N2 và Nguyễn Thị Mộng T; tài sản gắn liền với đất: Nhà xây cấp 4 và công trình phụ. Tổng giá trị tài sản thế chấp hai bên thỏa thuận tại thời điểm định giá là: 689.922.000 đồng, được chứng thực tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 07/7/2017 và ngày 16/7/2018, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện L ngày 07/7/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N2, bà T mới trả lãi cho Ngân hàng N 18.767.123 đồng, tiền gốc chưa trả kỳ nào, mặc dù phía Ngân hàng N đã nhiều lần thông báo, đôn đốc ông N2, bà T trả nợ. Ông N2, bà T đã viết giấy cam kết nhiều đợt nhưng vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ là vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng tín dụng, đồng thời không phối hợp để xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, gây khó khăn đến việc thu hồi vốn. Do ông N2, bà T không thực hiện đúng phân kỳ trả nợ gốc đầu tiên ngày 16/7/2019 nên Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn kỳ đầu tiên, sau đó tiếp tục chuyển nợ quá hạn theo từng phân kỳ của hai kỳ tiếp theo. Vì vậy, để đảm bảo thu hồi nợ, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị Mộng T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử, gồm: Tiền gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn: 109.424.658 đồng, lãi quá hạn: 62.917.808 đồng. Tổng toàn bộ 672.342.466 đồng và tiếp tục chịu lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán kể từ khi xét xử đến khi thi hành án xong, theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, đồng thời yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm mà ông N2 bà T đã thế chấp để thu hồi khoản nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị Mộng T vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng

tại phiên tòa, ông N2 bà T thống nhất trình bày: Vào ngày 16/7/2018, vợ chồng ông, bà ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng N Chi nhánh L số tiền 500.000.000 đồng, về thời hạn, lãi suất đúng như hai bên thống nhất trong hợp đồng và trình bày của đại diện Ngân hàng tại phiên tòa, gồm: Tiền gốc: 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 109.424.658 đồng, lãi quá hạn: 62.917.808 đồng. Khi vay, ông, bà có thể chấp quyền sử dụng đất thửa số 430, tờ bản đồ số 37, diện tích 314m², địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 148401 do UBND huyện L cấp ngày 04/7/2017 mang tên Nguyễn Văn N2 và Nguyễn Thị Mộng T và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 4 và công trình phụ, theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 07/07/2017 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp 16/7/2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông, bà đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ lãi, số lãi còn lại và tiền gốc chưa trả được theo phân kỳ là do dịch bệnh ảnh hưởng đến việc làm ăn dẫn đến thua lỗ; trong gia đình gặp chuyện rủi ro, con cái bị tai nạn phải điều trị và chi phí nhiều khoản nên chưa có tiền trả cho Ngân hàng. Nay ông, bà đề nghị Tòa án và Ngân hàng gia hạn hợp đồng cho ông, bà một thời gian đến đầu năm 2022 ông, bà trả hết số nợ lãi hiện tại và tiếp tục trả nợ gốc và lãi phát sinh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Chi nhánh huyện L buộc ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị Mộng T phải có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng là tranh chấp hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị Mộng T có địa chỉ cư trú tại: Đội 5 thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả đủ nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày xét xử, gồm: Tiền gốc 500.000.000 đồng, lãi trong hạn: 109.424.658 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử (08/12/2021): 62.917.808 đồng. Tổng toàn bộ 672.342.466 đồng và chịu lãi tiếp theo kể từ sau ngày tuyên án cho đến khi trả hết nợ gốc.

Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn và bị đơn cũng như các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa cho thấy, ông Nguyễn Văn N2 đã ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N Chi nhánh L, tỉnh Quảng Bình số 3802LAV201803092 ngày 16/7/2018 với nội dung vợ chồng ông N2, bà T vay của Ngân hàng N số tiền: 500.000.000 đồng, mục

đích vay: Mua dụng cụ phục vụ thi công công trình xây dựng; thời hạn vay: 48 tháng, kể từ ngày giải ngân 16/7/2018; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, các loại phí phát sinh theo quy định từng thời kỳ bên vay chấp nhận chịu toàn bộ. Hai bên thỏa thuận phân kỳ trả nợ thành 4 kỳ như trong hợp đồng.

Đối chiếu hợp đồng tín dụng và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án với lời khai của đại diện nguyên đơn, bị đơn, có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị Mộng T sau khi ký hợp đồng tín dụng chỉ thực hiện trả lãi 01 lần là 18.767.123 đồng, toàn bộ tiền gốc và tiền lãi tiếp theo không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày phân kỳ trả nợ gốc lần đầu tiên là ngày 16/7/2019, đến ngày 17/7/2019, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn của kỳ đầu tiên và hiện nay đã chuyển số nợ gốc theo phân kỳ sang nợ quá hạn theo 3 mốc phân kỳ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo hòa giải nhiều lần, với mục đích động viên thuyết phục hai bên tìm ra giải pháp cho bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bị đơn đều vắng mặt. Tại phiên tòa, ông N2, bà T xin Tòa án và Ngân hàng cho gia hạn hợp đồng nhưng từ khi khởi kiện đến nay ông, bà không có động thái hợp tác nên Ngân hàng rất khó khăn trong việc thu hồi vốn và mất niềm tin. Do đó, Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi đến ngày xét xử và tiếp tục chịu lãi phát sinh sau ngày tuyên án cho đến khi thi hành xong khoản tiền gốc theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.2]. Về tài sản bảo đảm khoản vay: Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2017/NT/0707/HĐTC ngày 07/7/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 2018/NT/NVN/HĐTC ngày 16/7/2018, ký giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng N Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình với vợ chồng ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị Mộng T là quyền sử dụng đất tại thửa số 430, tờ bản đồ số 37, diện tích 314 m² tại địa chỉ thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 148401 do UBND huyện L cấp ngày 04/7/2017 mang tên Nguyễn Văn N2 và Nguyễn Thị Mộng T và tài sản gắn liền với đất: Nhà ở cấp 4 và công trình phụ trên thửa đất, đã được chứng thực tại UBND xã P và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện L ngày 07/7/2017. Đây là cam kết giữa bên có nghĩa vụ (ông N2, bà T) với bên có quyền (Ngân hàng N) nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên có quyền được xử lý hoặc yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Sự thỏa thuận trên hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo đúng trình tự quy định, nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật có hiệu lực. Căn cứ thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ đối với bị đơn. Do sau nhiều lần vi phạm phân kỳ trả nợ mà bị đơn không hợp tác xử lý tài sản thế chấp

nên hiện nay Ngân hàng N Chi nhánh huyện L yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình, để buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử, tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh của nợ gốc sau ngày tuyên án cho đến khi trả hết nợ gốc, đồng thời xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 292, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 357, 463, 466, 468, 500 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình.

- Buộc ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị Mộng T phải trả cho Ngân hàng N- Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình tổng số tiền tính đến ngày xét xử (08/12/2021) là: 672.342.466 đồng, trong đó nợ gốc 500.000.000 đồng; lãi trong hạn: 109.424.658 đồng; lãi quá hạn: 62.917.808 đồng. Tiền nợ gốc và tiền nợ lãi nói trên phải trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

- Tài sản bảo đảm: quyền sử dụng đất tại thửa số 430, tờ bản đồ số 37, diện tích 314 m² tại địa chỉ thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 148401 do UBND huyện L cấp ngày 04/7/2017 mang tên Nguyễn Văn N2 và Nguyễn Thị Mộng T và tài sản gắn liền với đất: Nhà ở cấp 4 và công trình phụ trên thửa đất, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 2017/NT/0707/HĐTC ngày 07/7/2017 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 2018/NVN/PLHĐ ngày 16/7/2018, đã được chứng thực tại UBND xã P và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi

nhánh huyện L ngày 07/7/2017 và ngày 16/7/2018 là tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án dân sự của ông N2, bà T. Ngân hàng N – Chi nhánh huyện L có trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Bình xử lý khi có đơn yêu cầu thi hành án, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (08/12/2021) bên phải thi hành án tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3802LAV201803092/HĐTD ngày 16/7/2018 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh huyện L với ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị Mộng T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N2 và bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 30.893.698 đồng; trả lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện L số tiền tạm ứng án phí 14.654.000 đồng (ông Trương Hải N đã nộp) theo biên lai số: 0001274 ngày 17/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đại diện nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/12/2021, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Lưu HS;
- Lưu Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thị Nhàn